

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HS-PT

Ngày: 28 – 02 – 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuận

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Tấn Đức

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Chi - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2024/TLPT-HS, ngày 18 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Quốc Bảo D về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 367/2023/HS-ST, ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Quốc Bảo D**; Sinh ngày 16 tháng 02 năm 1993; Tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi thường trú: Tổ dân phố N, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện tại: Số 70 đường A, xã C1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1949 và con bà Đinh Thị Xuân T (đã chết); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1995 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Bá Thành C – Sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 83 H, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn 02 bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Năm 2016, Nguyễn Quốc Bảo D làm nhân viên tại cửa hàng buôn bán đồ nội thất “D1” địa chỉ số: 79, 83, 90, 92 đường H, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do anh Nguyễn Bá Thành C làm chủ. Đến năm 2020, D nghỉ việc rồi tự mua hàng nội thất để bán lẻ nhưng do không bán được hàng, nên D nghỉ kinh doanh và nhiều lần mang đồ nội thất còn tồn bán cho cửa hàng “Đ”, địa chỉ: 97/15 đường Y, phường T3, thành phố B (nay là 112 đường Th, phường T4, thành phố B) do anh Nguyễn Xuân N1 làm chủ. Đến tháng 9/2022, D tiếp tục xin vào làm nhân viên cho cửa hàng buôn bán đồ nội thất “D1” thì anh C đồng ý. Quá trình kinh doanh, khi có khách mua hàng anh C sẽ giao chìa khóa kho của cửa hàng tại địa chỉ: 14C đường P, phường T1, thành phố B, cho nhân viên của cửa hàng là Nguyễn Quốc Bảo D, Lương Văn S1 và Phan Châu S2 để mở cửa lấy hàng giao cho khách. D và S1 thấy anh C ít đến kho hàng kiểm tra, nên cả hai rủ nhau trộm cắp tài sản là bàn, ghế để trong kho bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó, khi D và S1 được anh C giao chìa khóa kho để lấy hàng đi giao cho khách, thì ngoài các hàng hóa giao theo đơn, D và S1 còn lén lút trộm cắp thêm các hàng hóa là bàn, ghế khác mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân hoặc mang các tài sản trộm cắp được cất giấu tại căn nhà địa chỉ: 121 đường Đ, phường T5, thành phố B (là nhà bố mẹ vợ của D là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu V rồi thuê ông Tôn Thất M điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Vinaxuki, biển số 47C-017.XX chở thuê các tài sản trộm cắp được đến cửa hàng “Đ” bán cho anh N1 hoặc nhân viên của anh N1 là anh Trần Văn T, hoặc D liên hệ anh N1 trực tiếp đến căn nhà địa chỉ: 121 đường Đ, phường T5, thành phố B để mua bán tài sản. Những lần anh N1 trực tiếp đến căn nhà 121 đường Đ mua tài sản thì D nhờ ông H, bà V hoặc anh Trần Xuân N2 (là anh vợ D) giao các tài sản giúp cho anh N1. Từ ngày 19/9/2022 đến ngày 25/12/2022, bằng phương thức thủ đoạn như trên D và S1 đã cùng nhau thực hiện các vụ trộm cắp tài sản là bàn, ghế (chưa qua sử dụng) tại kho hàng của anh C.

- Quá trình điều tra xác định từ ngày 19/9/2022 đến ngày 25/12/2022, Nguyễn Quốc Bảo D và Lương Văn S1 đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp 20 vụ như trên, với tổng trị giá tài sản trộm cắp là 105.810.000 đồng.

2. Đến cuối tháng 12 năm 2022 D nghỉ việc, thì Lương Văn S1 rủ Phan Châu S2 tiếp tục trộm cắp tài sản của anh C với phương thức thủ đoạn như trên thì S2 đồng ý. Ngoài ra, S1 còn bàn bạc và thỏa thuận với D về việc sau khi S1 và S2 trộm cắp được tài sản thì D sẽ là người đi bán tài sản, thì D đồng ý. Sau đó, khi S1 và S2 trộm cắp được các tài sản thì D thuê ông Tôn Thất M điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Vinaxuki, biển số 47C-017.XX chở đến cửa hàng của anh Nguyễn Xuân N1 để bán hoặc mang các tài sản về cất giấu tại địa chỉ 121 đường Đ, phường T5, thành phố B, rồi bán cho cửa hàng của anh N1 sau. Khi bán các tài sản trộm cắp được, D là người thỏa thuận giá cả và nhận tiền từ anh Nam, mỗi lần bán D đều tự giữ lại một số tiền mà không nói cho S1 và S2 biết, rồi D thông báo và chuyển số tiền còn lại cho S1, thì S1 và S2 chia cho D số tiền từ 300.000 đồng đến 600.000 đồng, còn lại thì S1 và S2 chia nhau tiêu xài. Từ ngày 08/01/2023 đến ngày 23/02/2023, bằng phương thức thủ đoạn như trên D, S1 và S2 đã cùng nhau thực hiện các vụ trộm cắp tài sản là bàn, ghế (chưa qua sử dụng) tại kho hàng của anh C.

- Quá trình điều tra xác định: Từ ngày 08/01/2023 đến ngày 23/02/2023, Nguyễn Quốc Bảo D, Lương Văn S1 và Phan Châu S2 đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp 10 vụ với tổng trị giá tài sản trộm cắp là 56.530.000 đồng.

3. Ngày 18/02/2023, D và S2 còn bàn bạc, thỏa thuận với nhau về việc: S2 lén lút lấy chùm chìa khóa kho từ anh C, rồi đưa cho D đi sao chép được 04 chiếc chìa khóa bằng kim loại, kích thước (5x2)cm, bên trên có chữ “VN-LOCK”, 01 chìa khóa bằng kim loại, kích thước (4,8x1,8)cm, bên trên có chữ “LÔCK”, 01 điều khiển cửa cuốn bằng nhựa màu đen trắng, kích thước (5,5x3)cm, bên trên có 04 nút bấm dùng để sử dụng mở cửa kho hàng. Sau khi D sao chép được các chìa khóa của kho hàng, thì S2 vừa làm việc tại cửa hàng, vừa cảnh giới anh C, rồi thông báo cho D đến kho hàng của anh C tại địa chỉ: 14C đường P, phường T1, thành phố B, sử dụng các chìa khóa sao chép được mở cửa kho hàng để trộm cắp tài sản. Từ ngày 25/02/2023 đến ngày 12/03/2023,

- Quá trình điều tra xác định: Từ ngày 25/02/2023 đến ngày 12/3/2023, Nguyễn Quốc Bảo D và Phan Châu S2 đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp 06 vụ với tổng trị giá tài sản trộm cắp là 31.700.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 367/2023/HS-ST, ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Quốc Bảo D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc Bảo D 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt của 02 bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/12/2023, bị cáo Nguyễn Quốc Bảo D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cơ bản đúng như nội dung bản cáo trạng và Bản án sơ thẩm đã nêu và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Tại cấp phúc thẩm người bị hại có đơn trình bày không đồng ý với kháng cáo của bị cáo vì bị cáo không bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại.

Quá trình tranh luận tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt 06 năm 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt và xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Bảo D từ 06 năm đến 06 năm 03 tháng tù. Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn N là bố của bị cáo D, đề nghị HĐXX không xem xét do ông N không có quyền kháng cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Đại diện viện kiểm sát và bị cáo giữ nguyên quan điểm, không ai có tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định:

Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, tham lam, tư lợi, lười lao động nên từ ngày 19/9/2022 đến ngày 12/3/2023 D cùng 02 bị cáo khác đã cùng nhau bàn bạc, lên kế hoạch, phân công nhiệm vụ chặt chẽ người cảnh giới anh C, người thực hiện hành vi phạm tội, người chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội sao chép chùm chìa khóa kho hàng, người tiêu thụ, Nguyễn Quốc Bảo D và 02 bị cáo khác đã nhiều lần lết lút trộm cắp bàn, ghế của anh Nguyễn Bá Thành C, cụ thể Nguyễn Quốc Bảo D đã thực hiện 36 vụ trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản trộm cắp là **194.040.000 đồng**. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Bảo D theo điểm a, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, thấy rằng: Mức hình phạt 06 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo phạm tội có tổ chức, phạm tội nhiều lần, thực hiện hành vi trộm cắp với số tiền lớn, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Văn N không có quyền kháng cáo nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quốc Bảo D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc Bảo D – Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 367/2023/HS-ST, ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2] Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Bảo D 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quốc Bảo D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố B;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuận